PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Unit 16 At the campsite · Lesson 2–3 (SGK tr. 69–70)

Tuần 33

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Look and write (nhìn hình, viết từ)

 te□t	 s□irts	 sh□es	 cak□

Bài 2: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

tea□ot (ấm trà) blank□t (cái chăn) n□r (gần)

□n (ở trong) o□ (ở trên)

Bài 3: Match – nối hình với từ

	•	•	shirts
	•	•	shoes
	•	•	brother
	•	•	sister
	•	•	tent

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. Is the tent near the road?	•	•	a. ở trong
2. near	•	•	b. ở trên
3. in	•	•	c. Lều có gần đường không?
4. on	•	•	d. gần

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. Is the blanket near the tent? – No, it □□□. (A) is (B) isn't

2. in nghĩa là gì? (A) ở trên (B) ở trong (C) gần

3. near nghĩa là gì? (A) ở trong (B) ở trên (C) gần

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

Chép mỗi từ một dòng: tent shirts

Chưa cần viết câu.

Onthi.app Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN — TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 33

Bài 1: Look and write (nhìn hình, viết từ)

⛺ – **tent** 👕 – **shirts** 👟 – **shoes** 🎂 – **cake**

Bài 2: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

te**a**pot (ấm trà) blan**k**et (cái chăn) n**ea**r (gần) **i**n (ở trong) **o**n (ở trên)

Bài 3: Match – nối hình với từ

⛺ – **tent** 👕 – **shirts** 👟 – **shoes** 👦 – **brother** 👧 – **sister**

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 – **c** 2 – **d** 3 – **a** 4 – **b**

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. **B** (isn't) 2. **B** (ở trong) 3. **C** (gần)

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

tent shirts

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án